

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 23 - 4 - 2019

V/v “*Tranh chấp Hôn nhân gia
đình, nuôi con, chia tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lam

Các thẩm phán: Ông Trần Hồng Hải; bà Nguyễn Thị Thương Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Thuần – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh: Bà Nguyễn Hồng Lê - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2018/TLPT-HNGĐ ngày 03/12/2018 về “*Tranh chấp Hôn nhân gia đình, nuôi con, chia tài sản*”.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2018/HNGĐ-ST, ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị D, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Xóm 09, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

*** Bị đơn:** Anh Ngô Song T, sinh năm: 1977. Địa chỉ: Xóm 09, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện H; địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn H, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T – Giám đốc chi nhánh (Vắng mặt)

- Bà Phan Thị Q; địa chỉ: Xóm 09, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

*** Người tham gia tố tụng khác:**

Ông Võ Anh V – Phó tổng đội TNXP làng Thanh niên lập nghiệp huyện H, tỉnh Hà Tĩnh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh vụ án có nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị D và anh Ngô Song T đăng ký kết hôn vào ngày 23/3/2002 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại xóm 9, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Đất đai và nhà ở của chị D đã có từ trước thời kỳ hôn nhân. Trong suốt quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không lo tu chí làm ăn, suốt ngày rượu chè về đánh đập vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung khắc với nhau làm cho cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, mệt mỏi, không có hạnh phúc. Mặc dù chị D đã nhiều lần tha thứ, bỏ qua nhưng anh T vẫn không thay đổi tính tình, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không còn. Chị D xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không thể nào hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn với anh T. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung, tên là Ngô Bùi Tiến D, sinh ngày 31/01/2003. Chị Bùi Thị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con cho đến khi con trưởng thành và không yêu cầu anh Ngô Song T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tài sản chung của vợ chồng gồm có: Nhà xây cấp 4, ba gian; cây cối trồng trên đất; xe mô tô hiệu Wave @ BKS 36N4-2604. Tài sản riêng gồm có: Đất đai 9825,6 m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguồn gốc đất đã sử dụng từ trước khi kết hôn với anh Toàn. Chị D là một trong số những người đầu tiên được cấp đất tại làng thanh niên lập nghiệp.

Chị D cho rằng tài sản riêng thuộc quyền sở hữu của chị, anh T không được hưởng và đề nghị Tòa án giải quyết về phần tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Vợ chồng có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện H, tỉnh Hà Tĩnh số tiền: 20.000.000 đồng và vay của chị Phan Thị Q số tiền: 10.000.000 đồng. Hiện tại vợ chồng đã trả hết nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng đã rút đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, còn nợ chị Q vợ chồng chưa trả được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Bị đơn anh Ngô Song T trình bày:* Anh Toàn thừa nhận điều kiện, thời gian và nơi đăng ký kết hôn của vợ chồng như chị D trình bày là đúng. Vợ chồng sống hạnh phúc được 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do là vợ chồng không hiểu nhau, thường xuyên cãi vã, bất hòa quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên chị D làm đơn xin ly hôn. Anh T đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị D trình bày là đúng thực tế. Anh T đề nghị giải quyết về quyền nuôi con theo nguyện vọng của con, nếu con có nguyện vọng ở với ai thì giao con cho người đó.

Về tài sản chung: Tài sản chung của vợ chồng như chị D trình bày ở trên là đúng. Nhưng anh T cho rằng đất ở được cấp trong thời kỳ hôn nhân. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung như chị D trình bày như trên là đúng thực tế. Hiện tại vợ chồng còn nợ chị Q số tiền 10.000.000 đồng, được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Q trình bày:* Vợ chồng anh T, chị D có vay của chị Q số tiền là: 10.000.000 đồng. Nay vợ chồng ly hôn, chị Q đề nghị Tòa án buộc anh T, chị D trả nợ cho chị Q theo quy định của pháp luật.

- *Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Việt Nam, chi nhánh H, tỉnh Hà Tĩnh ông Nguyễn Quốc T, chức vụ: Giám đốc trình bày:* Số nợ gốc mà vợ chồng anh T, chị D vay là: 20.000.000 đồng. Ngày 23/10/2017, Ngân hàng đã làm đơn yêu cầu độc lập yêu cầu anh T, chị D phải trả hết số nợ vay cho Ngân hàng. Tuy nhiên đến ngày 16/8/2018, vợ chồng anh T, chị D đã thanh toán hết khoản nợ nói trên cho Ngân hàng, do đó Ngân hàng đã làm đơn xin được rút toàn bộ nội dung đơn yêu cầu độc lập và đã được Tòa án chấp nhận.

Với nội dung vụ án trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/HNGĐ-ST ngày 19/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh xử: Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 59; Điều 60; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 217; khoản 2 Điều 219; khoản 2 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 18; Điểm a, b khoản 1 Điều 24; Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và điểm b mục 1.1 phần II danh mục kèm theo Nghị quyết. Tuyên xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Bùi Thị D được ly hôn anh Ngô Song T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Ngô Bùi Tiến D, sinh ngày 31/01/2003 cho chị Bùi Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành (tròn 18 tuổi). Chị Bùi Thị D không yêu cầu anh Ngô Song T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Anh Ngô Song T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở, đồng thời anh Ngô Song T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Bùi Thị D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về quan hệ tài sản chung:

3.1. Giao cho chị Bùi Thị D được quyền sử dụng, sở hữu như sau:

- Đất đai: Chị D nhận tổng diện tích: 6.988,70 m², tại xóm 8, P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; trong đó có:

+ Đất ở thuộc thửa số 17, tờ bản đồ 2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 139825 cấp ngày 18/5/2007 của UBND huyện H tại xóm 8, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; diện tích 200 m²; có trị giá: 18.200.000 đồng;

+ Đất trồng cây lâu năm thuộc thửa số 17, tờ bản đồ 2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 139825 cấp ngày 18/5/2007 của UBND huyện H tại xóm 8, xã Phúc Trạch, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; diện tích 1.429,20 m²; có trị giá: 53.595.000 đồng;

+ Đất rừng sản xuất thuộc thửa số 13, tờ bản đồ 2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gắn liền nhà ở và tài sản khác số CH 00796 cấp ngày 31/12/2013 của UBND huyện H tại xóm 8, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; diện tích 5.359,50 m²; có trị giá: 21.438.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản đất đai được giao là: 93.233.000 đồng.

Phần đất ở được giao cho chị D sở hữu có tứ cận cụ thể như sau:

+ Phía Đông Bắc giáp nương nước rộng 2,3 m (phía sau nhà) có chiều dài: 67,64 m;

+ Phía Tây Nam giáp đường liên gia có chiều dài: 57,09 m;

+ Phía Đông Nam giáp nương nước và giáp đất ông Phạm Ngọc H có chiều dài: 128,60 m;

+ Phía Tây Bắc giáp đất anh T có chiều dài: 105,92 m;

(có sơ đồ kèm theo)

- Công trình, vật kiến trúc:

+ Nhà xây cấp IV, lợp ngói trị giá: 131.406.240 đồng;

+ Nền bê tông sân và ngõ trị giá: 4.560.528 đồng;

+ Mái che sân trị giá: 5.754.210 đồng;

Tổng giá trị tài sản được giao là: 141.720.978 đồng.

- Cây cối:

+ 108 cây dó trăm loại có đường kính 4-8cm trị giá: 4.968.000 đồng;

+ 222 cây dó trăm loại có đường kính 9-15cm trị giá: 26.418.000 đồng;

+ 38 cây dó trăm loại có đường kính 15-25cm trị giá: 5.510.000 đồng;

+ 98 cây dó trăm loại có đường kính 25-35cm trị giá: 21.952.000 đồng;

+ 14 cây dó trăm loại có đường kính 35-50cm trị giá: 4.620.000 đồng;

+ 11 cây bưởi Phúc Trạch loại trồng trên 4 năm có quả dưới 20 quả/năm trị giá: 14.300.000 đồng;

+ 15 cây bưởi Phúc Trạch loại mới trồng phát triển bình thường 1-4 năm trị giá: 2.700.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản cây cối được giao là: 80.468.000 đồng.;

Tổng cộng giá trị tài sản được giao cho chị D là: 315.421.978 đồng (Ba trăm mười lăm triệu bốn trăm hai mươi một ngàn chín trăm bảy mươi tám đồng).

3.2. Giao cho anh Ngô Song T được quyền sử dụng, sở hữu như sau:

- Đất đai: tổng diện tích: 2.836,9 m²; tại xóm 8, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; có tứ cận cụ thể như sau:

+ Phía Đông Bắc giáp nương nước rộng 2,3 m (phía sau nhà) có chiều dài: 28,86 m;

+ Phía Tây Nam giáp đường đi có chiều dài: 28 m;

+ Phía Đông Nam giáp vườn chị D có chiều dài: 105,92 m;

+ Phía Tây Bắc giáp nương nước (phần đất ông Bùi Ngọc H) có chiều dài: 99,09 m;

Trong đó có:

+ Đất ở thuộc thửa số 17, tờ bản đồ 2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 139825 cấp ngày 18/5/2007 của UBND huyện H, tại xóm 8, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; diện tích 100 m²; có trị giá: 9.100.000 đồng;

+ Đất trồng cây lâu năm thuộc thửa số 17, tờ bản đồ 2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 139825 cấp ngày 18/5/2007 của UBND huyện H, tại xóm 8, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; diện tích 70,8 m²; có trị giá: 2.655.000 đồng;

+ Đất rừng sản xuất thuộc thửa số 13, tờ bản đồ 2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gắn liền nhà ở và tài sản khác số CH 00796 cấp ngày 31/12/2013 của UBND huyện H, tại xóm 8, xã Phúc Trạch, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; diện tích 2.666,10 m²; có trị giá: 10.664.400 đồng;

Tổng giá trị tài sản đất đai được giao là: 22.419.400 đồng.

Các điểm mốc được xác định như sau:

+ Từ tâm đường kéo vào đến điểm cạnh 14, điểm bờ rào phía đường liên gia (đường vùng) và bờ nương phía vườn anh T và ông H có chiều dài 4,9m gọi là điểm mốc 1.

+ Từ mốc 1 phía đường liên gia kéo sang vườn chị D có chiều dài 28m gọi là điểm mốc 2 (cách tâm đường là 4,9 m)

Mốc 3, mốc 4 mép trong bờ nương phía sau vườn anh T rộng 2,3 m.

Nói các điểm mốc này lại là phần diện tích đất anh T được sử dụng. (có sơ đồ kèm theo).

- Cây cối:

+ 182 cây dó trăm loại có đường kính 4-8cm trị giá: 8.372.000 đồng;

+ 18 cây dó trăm loại có đường kính 9-15cm trị giá: 2.142.000 đồng;

+ 10 cây dó trăm loại có đường kính 15-25cm trị giá: 1.450.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản cây cối được giao là: 11.964.000 đồng.

- Tài sản, vật dụng khác: 01 xe mô tô hiệu wave @ Honda BKS: 38N4-2604 trị giá: 6.600.000 đồng;

Tổng cộng giá trị tài sản giao cho anh T là: 40.983.400 đồng (Bốn mươi triệu chín trăm tám mươi ba ngàn bốn trăm đồng).

Chị Bùi Thị D và anh Ngô Song T có quyền đến gặp các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Buộc chị Bùi Thị D phải thanh toán cho anh Ngô Song T số tiền là: 137.219.100 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu hai trăm mười chín ngàn một trăm đồng) tiền phụ chia chênh lệch giá trị tài sản lớn hơn phần chị D được hưởng.

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

5. Về nợ chung: Buộc chị Bùi Thị D phải trả cho chị Phan Thị Q số tiền: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng chẵn).

Buộc anh Ngô Song T phải trả cho chị Phan Thị Q số tiền: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng chẵn).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn anh Ngô Song T kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung và chia tài sản theo hướng chia đôi đất ở, đất vườn, đất rừng

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, bị đơn anh Ngô Song T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự, đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/HNGĐ-ST ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật và thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng, đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn anh Ngô Song T, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Chị Bùi Thị D và anh Ngô Song T kết hôn ngày 23/3/2002 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình chung sống hai người tạo lập được khối tài sản chung, gồm: 01 Thửa đất số 17 tờ bản đồ số 2 thuộc xóm 8 xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đã được Giấy CNQSD đất AD 139 825 ngày 18/5/2007 do UBND huyện H cấp mang tên Bùi Thị D, Ngô Song T có diện tích 1.800 m² trong đó 300 m² đất ở, 1500 m² đất trồng cây lâu năm; 01 Thửa đất rừng sản xuất số 13 tờ bản đồ số 2 diện tích 8.078,3 m² thuộc xóm 8 xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đã được Giấy CNQSD đất CH 00796 ngày 31/12/2013 của UBND huyện Hương Khê mang tên Bùi Thị D, Ngô Song T (diện tích theo thẩm định là 8025,6 m²); 01 nhà ở cấp 4 ba gian lớp ngói, tường xây, sân lợp firoxi măng, ngõ lán bê tông làm trên đất ở; Cây cối hoa màu trên đất gồm Dó Trầm, bưởi phúc Trạch và 01 xe máy wae@ biển số 38N-2604 mua năm 2008.

Chị Duyên là người trực tiếp nuôi con trai đã 16 tuổi, là phụ nữ nên cần được ưu tiên trong việc chia tài sản. Chị D cần nhiều đất hơn để làm ăn nuôi con. Bản thân anh T, ngoài làm nông còn có nghề làm nhôm kính, thợ xây.

Căn cứ vào bản Hợp đồng trách nhiệm giữa ban quản lý dự án Thanh niên lập nghiệp và chị Bùi Thị D ký ngày 20/3/2001 thì thửa đất được giao cho chị D. Đất thuộc dự án Làng thanh niên lập nghiệp, chị D khi đó là Đội viên thanh niên xung phong của làng thanh niên lập nghiệp. Việc được giao đất là quyền lợi của bên B (chị D) được ghi trong hợp đồng. Ông Võ Anh V là phó tổng đội TNXP tiêu chuẩn cấp đất là của đội viên làng thanh niên lập nghiệp nhưng quyết định cấp trong giai đoạn hôn nhân nên là tài sản chung vợ chồng. Do đó, cấp sơ thẩm chia cho chị D nhiều đất hơn rồi buộc chị D hoàn lại phần chênh lệch bằng tiền cho anh Toàn là có căn cứ, đúng pháp luật, có lý, có tình.

Quá trình giải quyết vụ án Hội đồng định giá đã định giá theo đúng quy định. Anh T cho rằng giá đất theo quy định của Nhà nước cao gấp nhiều lần giá của Hội đồng định giá là không có căn cứ. Tổng giá trị tài sản chung là 356.405.000 đ mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ trị giá tài sản là 178.202.500đ. Tổng giá trị tài sản giao cho chị D quản lý sử dụng là 315.421.978 đồng (gồm nhà ở, đất ở, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, 480 cây Dó Trầm các loại, 36 cây bưởi Phúc Trạch); Tổng giá trị tài sản giao cho anh T quản lý sử dụng là 40.983.400 đồng (Đất ở, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, 210 cây Dó Trầm các loại, 01 xe máy). Chị Bùi Thị D phải đưa thanh toán cho anh Ngô Song T số tiền chênh lệch tài sản là 137.219.100 đồng. Các tài sản nguyên đơn, bị đơn thống nhất phân chia trong vụ án đều được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên tòa án sơ thẩm xác định giá trị tài sản chung chia đôi là đảm bảo có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án, tòa án sơ thẩm đã tiến hành thẩm định, định giá tài sản, các đương sự đều tham gia và thống nhất với kết quả thẩm định, định giá, không ai có khiếu nại đối với kết quả này.

Do đó, việc nguyên đơn nhận diện tích đất, tài sản trên đất có giá trị lớn hơn nhưng nguyên đơn phải đưa lại số tiền chênh lệch tài sản cho bị đơn là đảm bảo công bằng, không ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 59 Luật HNGĐ năm 2014 về chia tài sản chung. Do đó kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở xem xét.

Cháu Ngô Bùi Tiến D nay đã 16 tuổi, có nguyện vọng được ở với mẹ nên Cấp sơ thẩm đã giao cháu cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành là có cơ sở, đúng pháp luật.

Về chuồng trâu không còn giá trị sử dụng, các bên không yêu cầu chia, không yêu cầu định giá, không phải là tài sản tranh chấp nên các bên tự tháo dỡ theo phần đất của mình và không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự.

Từ những lập luận trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Ngô Song T, giữ nguyên bản án sơ thẩm

[3]. Về án phí: Bị đơn kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

1. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn anh Ngô Song T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 12/2018/HNGĐ-ST ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; điểm a, b khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 59; Điều 60; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 217; khoản 2 Điều 219; khoản 2 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 18; Điểm a, b khoản 1 Điều 24; Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và điểm b mục 1.1 phần II danh mục kèm theo Nghị quyết, tuyên xử:

*** Về quan hệ hôn nhân:** Chị Bùi Thị D được ly hôn anh Ngô Song T.

*** Về nuôi con:** Giao con Ngô Bùi Tiến D, sinh ngày 31/01/2003 cho chị Bùi Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành (tròn 18 tuổi). Chị Bùi Thị D không yêu cầu anh Ngô Song T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Anh Ngô Song T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở, đồng thời anh Ngô Song T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Bùi Thị D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

*** Về quan hệ tài sản chung:**

Giao cho chị Bùi Thị D được quyền sử dụng, sở hữu như sau:

- Đất đai: Chị D nhận tổng diện tích: 6.988,70 m², tại xóm 8, P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; trong đó có:

+ Đất ở thuộc thửa số 17, tờ bản đồ 2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 139825 cấp ngày 18/5/2007 của UBND huyện H tại xóm 8, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; diện tích 200 m²; có trị giá: 18.200.000 đồng;

+ Đất trồng cây lâu năm thuộc thửa số 17, tờ bản đồ 2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 139825 cấp ngày 18/5/2007 của UBND huyện H tại xóm 8, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; diện tích 1.429,20 m²; có trị giá: 53.595.000 đồng.

+ Đất rừng sản xuất thuộc thửa số 13, tờ bản đồ 2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gắn liền nhà ở và tài sản khác số CH 00796 cấp ngày 31/12/2013 của UBND huyện H tại xóm 8, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; diện tích 5.359,50 m²; có trị giá: 21.438.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản đất đai được giao là: 93.233.000 đồng.

Phần đất ở được giao cho chị D sở hữu có tứ cận cụ thể như sau:

+ Phía Đông Bắc giáp nương nước rộng 2,3 m (phía sau nhà) có chiều dài: 67,64 m;

+ Phía Tây Nam giáp đường liên gia có chiều dài: 57,09 m;

+ Phía Đông Nam giáp nương nước và giáp đất ông Phạm Ngọc H có chiều dài: 128,60 m;

+ Phía Tây Bắc giáp đất anh T có chiều dài: 105,92 m;

(có sơ đồ kèm theo)

- Công trình, vật kiến trúc:

+ Nhà xây cấp IV, lợp ngói trị giá: 131.406.240 đồng;

+ Nền bê tông sân và ngõ trị giá: 4.560.528 đồng;

+ Mái che sân trị giá: 5.754.210 đồng;

Tổng giá trị tài sản được giao là: 141.720.978 đồng.

- Cây cối:

+ 108 cây dó trầm loại có đường kính 4-8cm trị giá: 4.968.000 đồng;

+ 222 cây dó trầm loại có đường kính 9-15cm trị giá: 26.418.000 đồng;

+ 38 cây dó trầm loại có đường kính 15-25cm trị giá: 5.510.000 đồng;

+ 98 cây dó trầm loại có đường kính 25-35cm trị giá: 21.952.000 đồng;

+ 14 cây dó trầm loại có đường kính 35-50cm trị giá: 4.620.000 đồng;

+ 11 cây bưởi Phúc Trạch loại trồng trên 4 năm có quả dưới 20 quả/năm trị giá: 14.300.000 đồng;

+ 15 cây bưởi Phúc Trạch loại mới trồng phát triển bình thường 1-4 năm trị giá: 2.700.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản cây cối được giao là: 80.468.000 đồng.;

Tổng cộng giá trị tài sản được giao cho chị D là: 315.421.978 đồng (Ba trăm mười lăm triệu bốn trăm hai mươi một ngàn chín trăm bảy mươi tám đồng).

Giao cho anh Ngô Song T được quyền sử dụng, sở hữu như sau:

- Đất đai: tổng diện tích: 2.836,9 m²; tại xóm 8, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; có tứ cận cụ thể như sau:

+ Phía Đông Bắc giáp nương nước rộng 2,3 m (phía sau nhà) có chiều dài: 28,86 m;

+ Phía Tây Nam giáp đường đi có chiều dài: 28 m;

+ Phía Đông Nam giáp vườn chi D có chiều dài: 105,92 m;

+ Phía Tây Bắc giáp nương nước (phần đất ông Bùi Ngọc H) có chiều dài: 99,09 m;

Trong đó có:

+ Đất ở thuộc thửa số 17, tờ bản đồ 2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 139825 cấp ngày 18/5/2007 của UBND huyện H, tại xóm 8, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; diện tích 100 m²; có trị giá: 9.100.000 đồng;

+ Đất trồng cây lâu năm thuộc thửa số 17, tờ bản đồ 2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 139825 cấp ngày 18/5/2007 của UBND huyện H, tại xóm 8, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; diện tích 70,8 m²; có trị giá: 2.655.000 đồng;

+ Đất rừng sản xuất thuộc thửa số 13, tờ bản đồ 2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gắn liền nhà ở và tài sản khác số CH 00796 cấp ngày 31/12/2013 của UBND huyện H, tại xóm 8, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; diện tích 2.666,10 m²; có trị giá: 10.664.400 đồng;

Tổng giá trị tài sản đất đai được giao là: 22.419.400 đồng.

Các điểm mốc được xác định như sau:

+ Từ tâm đường kéo vào đến điểm cạnh 14, điểm bờ rào phía đường liên gia (đường vùng) và bờ nương phía vườn anh T và ông H có chiều dài 4,9m gọi là điểm mốc 1.

+ Từ mốc 1 phía đường liên gia kéo sang vườn chi D có chiều dài 28m gọi là điểm mốc 2 (cách tâm đường là 4,9 m)

Mốc 3, mốc 4 mép trong bờ nương phía sau vườn anh T rộng 2,3 m.

Nội các điểm mốc này lại là phần diện tích đất anh T được sử dụng. (có sơ đồ kèm theo).

- Cây cối:

+ 182 cây dó trăm loại có đường kính 4-8cm trị giá: 8.372.000 đồng;

+ 18 cây dó trăm loại có đường kính 9-15cm trị giá: 2.142.000 đồng;

+ 10 cây dó trăm loại có đường kính 15-25cm trị giá: 1.450.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản cây cối được giao là: 11.964.000 đồng.

- Tài sản, vật dụng khác: 01 xe mô tô hiệu wave @ Honda BKS: 38N4-2604 trị giá: 6.600.000 đồng;

Tổng cộng giá trị tài sản giao cho anh T là: 40.983.400 đồng (*Bốn mươi triệu chín trăm tám mươi ba ngàn bốn trăm đồng*).

Chị Bùi Thị D và anh Ngô Song T có quyền đến gặp các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Buộc chị Bùi Thị D phải thanh toán cho anh Ngô Song T số tiền là: 137.219.100 đồng (*Một trăm ba mươi bảy triệu hai trăm mười chín ngàn một trăm đồng*) tiền phụ chia chênh lệch giá trị tài sản lớn hơn phần chị D được hưởng.

* Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

* Về nợ chung: Buộc chị Bùi Thị D phải trả cho chị Phan Thị Q số tiền: 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng chẵn*).

Buộc anh Ngô Song T phải trả cho chị Phan Thị Q số tiền: 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng chẵn*).

3. Về án phí, lệ phí:

- Án phí sơ thẩm: Chị Bùi Thị D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn, chị D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2016/0004099 ngày 11/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, nay không phải nộp nữa. Chị Bùi Thị D còn phải nộp tiếp 8.910.125 đồng (*Tám triệu chín trăm mười ngàn một trăm hai mươi lăm đồng*) tiền án phí chia tài sản và anh Ngô Song T phải nộp 8.910.125 đồng (*Tám triệu chín trăm mười ngàn một trăm hai mươi lăm đồng*) tiền án phí chia tài sản.

Trả lại số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H theo biên lai số AA/2016/0004119 ngày 02/11/2017.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBNTQH buộc anh Ngô Song T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004231 ngày 03/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Tĩnh

4. “*Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TA, THA sơ thẩm;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Lam